

Số: 222/2024/CV-HQC
No. 222/2024/CV-HQC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024
Ho Chi Minh City, day 30 month 10 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES
COMMISSION
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: - The State Securities Commission;
- Hochiminh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân / Hoang Quan Consulting – Trading – Service – Real Estate Corporation

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: HQC

- Địa chỉ/Address: 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM / 15 Nguyen Luong Bang Street, Tan Phu Ward, District 7, HCMC

- Điện thoại liên hệ/Tel: 028-5411 7348

- E-mail: qhndt@hoangquan.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Ngày 30/10 /2024, Công ty cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2024.

Ong October 30th, 2024, Hoang Quan Consulting - Trading - Service Real Estate Corporation announced the Consolidated Financial Statement for the Third Quarter of 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2024 tại đường dẫn <http://hoangquan.com.vn/> This information was published on the company's website on 30/10/2024, as in the link <http://hoangquan.com.vn.>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2024/ The Consolidated Financial Statement of Quarter III - 2024.

Đại diện tổ chức/ Organization representative

Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



LS. Đoàn Văn Chính

CÔNG TY CP TV – TM – DV ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN

15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

MST: 0302087938

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 3 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỊA ỐC
HOÀNG QUÂN**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5,757,537,862,290	3,584,596,693,355
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40,917,658,780	28,130,342,211
Tiền	111		40,917,658,780	28,130,342,211
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4,329,667,279,722	2,952,300,448,422
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1,457,752,784,690	1,412,896,828,029
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2,020,757,152,397	726,731,788,969
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4.1	437,086,784,091	400,959,759,958
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	450,955,982,449	448,597,495,371
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(37,593,543,898)	(37,593,543,898)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	708,119,993	708,119,993
Hàng tồn kho	140	5.8	1,341,738,743,594	590,810,682,696
Hàng tồn kho	141		1,341,738,743,594	590,810,682,696
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		45,214,180,194	13,355,220,026
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	90,000,000	190,361,783
Thuế GTGT được khấu trừ	152		43,399,534,838	11,440,212,887
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	1,724,645,356	1,724,645,356
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4,698,398,331,502	3,714,838,746,696
Các khoản phải thu dài hạn	210		2,316,606,352,081	1,340,357,304,441
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4.2	11,766,289,401	4,836,993,401
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	2,304,840,062,680	1,335,520,311,040
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		2,098,310,551	2,589,246,551
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1,776,677,273	2,170,266,276
Nguyên giá	222		21,350,136,237	21,350,136,237
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19,573,458,964)	(19,179,869,961)
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	321,633,278	418,980,275
Nguyên giá	228		1,468,463,000	1,468,463,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,146,829,722)	(1,049,482,725)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1,551,551,919	1,012,111,919
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1,551,551,919	1,012,111,919
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	2,376,921,986,320	2,369,080,000,000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2,375,841,986,320	2,368,000,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,188,880,000	3,188,880,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2,108,880,000)	(2,108,880,000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1,220,130,631	1,800,083,785
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	973,944,053	193,312,206
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		246,186,578	1,606,771,579
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10,455,936,193,792	7,299,435,440,051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		5,037,096,264,501	2,934,946,303,698
Nợ ngắn hạn	310		3,052,428,723,122	2,618,605,907,947
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14.1	180,407,530,160	224,785,281,122
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	807,346,879,445	678,793,849,394
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	136,220,789,507	218,730,615,318
Phải trả người lao động	314		5,634,053,438	4,921,639,269
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	599,585,559,746	596,375,483,095
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	1,163,047,588,413	830,655,838,685
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	157,365,670,171	61,538,022,978
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2,820,652,242	2,805,178,086
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1,984,667,541,379	316,340,395,751
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		73,288,649,390	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	521,079,072,217	316,340,395,751
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	1,390,299,819,772	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5,418,839,929,291	4,364,489,136,353
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	5,418,839,929,291	4,364,489,136,353
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5,766,000,000,000	4,766,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5,766,000,000,000	4,766,000,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(462,203,741,892)	(462,203,741,892)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(7,260,000)	(7,260,000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		6,581,521,895	6,545,415,532
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88,405,681,946	54,154,722,713
LNST chưa phân phối năm trước	421a		61,769,790,419	48,996,670,804
LNST chưa phân phối năm nay	421b		26,635,891,527	5,158,051,909
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20,063,727,342	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10,455,936,193,792	7,299,435,440,051



NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH PHONG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2024 VND	Từ 01/01/2024 Đến 30/09/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13,752,981,232	375,301,588,053
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4,936,123,717	330,054,968,566
Doanh thu thuần	10	6.1	8,816,857,515	45,246,619,487
Giá vốn hàng bán	11	6.2	7,353,227,467	(12,974,316,286)
Lợi nhuận gộp	20		1,463,630,048	58,220,935,773
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	40,747,652,967	71,518,741,728
Chi phí tài chính	22	6.4	20,745,491,849	81,166,358,753
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		17,700,491,849	57,825,402,974
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3,001,715)	175,338,095
Chi phí bán hàng	25	6.5	1,718,507,350	3,963,777,560
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7,784,859,814	22,988,025,237
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		11,959,422,287	21,796,854,046
Thu nhập khác	31	6.7	3,273,461,967	12,812,124,820
Chi phí khác	32	6.8	1,112,385,328	1,501,189,480
Lợi nhuận khác	40		2,161,076,639	11,310,935,340
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14,120,498,926	33,107,789,386
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,934,401,293	5,097,532,575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	1,360,585,001
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,186,097,633	26,649,671,810
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11,183,555,726	26,635,891,527
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,541,907	13,780,283
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	19	46


NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH PHONG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2024 VND	Từ 01/01/2024 Đến 30/09/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		14,120,498,926	33,107,789,386
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		160,697,107	490,936,000
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3,001,715	(28,769,192,701)
Chi phí lãi vay	06		17,700,491,849	57,825,402,974
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		31,984,689,597	62,654,935,659
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(17,157,093,194)	(1,149,810,346,666)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(39,896,177,176)	29,947,393,716
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(78,330,987,601)	23,985,478,424
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		328,119,733	(370,270,064)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(31,746,041,702)	(81,832,612,664)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.16	(467,614,838)	(69,951,726,647)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(135,285,105,181)	(1,185,377,148,242)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(539,440,000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29,658,857,784)	(71,055,878,939)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		10,688,540,064	49,513,222,024
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(392,306,581,857)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	24,036,545,396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18,970,317,720)	(390,352,133,376)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1,000,000,000,000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	158,125,763,299	613,576,142,070
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(7,775,458,787)	(25,059,543,883)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		150,350,304,512	1,588,516,598,187
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(3,905,118,389)	12,787,316,569
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		44,822,777,169	28,130,342,211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Điều chỉnh ảnh hưởng số dư đầu năm			-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	40,917,658,780	40,917,658,780


NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH PHONG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (“Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302087938, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 36 ngày 15 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp của Công ty mẹ tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 4.766.000.000.000 VND và tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 5.766.000.000.000 VND, Công ty mẹ đang làm thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn đã tăng thêm.

Cổ phiếu của Công ty mẹ có mã chứng khoán là HQC được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 218/QĐ-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: HQC
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 576.600.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 5.766.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty mẹ được đặt tại 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là từ 02 đến 03 năm, tùy theo thời gian hoàn thành đối với các công trình xây dựng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Phố Vàng	Số 90 Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	Kinh doanh bất động sản	98,04%	98,04%	98,04%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	46 Thoại Ngọc Hầu, Phường Vĩnh Hòa, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	40%	40%	40%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	27 – 28 Võ Nguyên Giáp, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	39%	39%	39%

Ngoài ra, Công ty mẹ còn có các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	353 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	99 liên tỉnh lộ 25B, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	55C Cây Keo, Khu phố 1, Phường Tam Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	T6 tòa nhà Võ Đình (tầng trệt), Đường TA 14, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	286 (Số cũ 218 bis) Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	47C/2 Ấp 3, Xã An Phú Tây, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	339 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân – Cơ sở đào tạo dạy nghề Hoàng Quân	270 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân – Trung tâm giao dịch bất động sản Hoàng Quân	272 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Học Môn, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân – Trung tâm giao dịch bất động sản Hoàng Quân	15E Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	159A Phan Đăng Lưu, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	C15-16 Khu nhà ở Nam Hiệp Thành, Đường Trường Chinh, Thị trấn Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 219A Ngô Quyền, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Lô A2 19-20 Khu nhà ở chuyên gia, công nhân và dịch vụ Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Chi nhánh Tây Ninh, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 90, Nguyễn Thái Học, Phường 3, Thành Phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Tiền Giang, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Tầng trệt nhà ở xã hội HQC Tân Hương, Ấp Tân Phú, Xã Tân Hương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
- Chi nhánh Trà Vinh, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 50 Đường Chu Văn An, Ấp Long Bình, Phường 4, Thành Phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Nha Trang, Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	Số 46 Thoại Ngọc Hầu, Phường Vĩnh Hòa, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 không so sánh được với số kỳ trước, do đây là kỳ đầu tiên Công ty mẹ lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là số liệu của Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 108 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 03 năm 2024 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận

doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí thực hiện các dự án.
- Thành phẩm bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản

Nhà cửa, vật kiến trúc
Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thời gian

20 năm
06 – 10 năm
03 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.14 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tập đoàn chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- + Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- + Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria Service	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất Động Sản Đông Dương	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trương Gia	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thiên Phát	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Hoàng Quân	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hoàng Quân Land	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Simon Land	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Y khoa Vietmed	Chung thành viên chủ chốt
Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Simon	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Nhà Việt	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Dịch vụ Peace	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Phục Sinh	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Quản lý Bất động sản CPG	Chung thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hùng Cường Phan Thiết	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần XNK Rồng Đông Nam Á	Chung thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Ngọc Kỳ Lâm Ninh Thuận	Chung thành viên chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt (từ ngày 14/03/2024)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	19.457.780.095	21.472.197.417
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	21.459.878.685	6.658.144.794
	40.917.658.780	28.130.342.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu bên liên quan – dự án bất động sản		
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	322.697.194.700	-
Công ty TNHH Quản Lý Bất Động Sản Victoria	57.075.889.059	279.032.603.608
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	214.949.161.549	214.949.161.549
Công ty Cổ phần Đầu tư Simon	198.476.159.038	198.476.159.038
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	112.401.480.000	112.401.480.000
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	28.067.705.569	28.067.705.569
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	10.243.988.433	10.243.988.433
Ông Trương Nguyễn Hoàng Quân	5.282.400.000	10.287.172.727
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương	1.150.268.956	5.385.648.456
Bà Trương Nguyễn Song Vân	2.694.981.810	3.128.951.478
Bà Phan Thị Kiều Oanh	-	47.473.655
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Nhà Bình Thuận	-	5.186.877.963
Công ty Cổ phần Bất động sản Trà Vinh	82.390.000.000	82.390.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh	1.261.623.321	1.261.623.321
Các khách hàng khác	421.061.932.255	462.037.982.232
	1.457.752.784.690	1.412.896.828.029

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước người bán bên liên quan		
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo	142.181.014.434	142.275.194.369
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo - chi nhánh Trà Vinh	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	25.782.880.311	25.078.696.159
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc	19.955.419.760	5.131.547.216
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	2.881.738.565	2.874.238.565
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	5.533.007.600	5.700.901.045
Công ty Cổ phần TM – SX – DV Bình Minh	2.526.503.353	2.526.503.353
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	1.680.443.442	1.567.943.442
Công ty Cổ phần Đầu tư Quản lý Bất Động Sản CPG	644.682.593	644.682.593
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria Service	581.345.185	581.345.185
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	59.780.000	59.780.000
Công ty CP Đầu Tư BĐS Hoàng Quân Land	78.871.382	-
Công ty CP Đầu tư phát triển BĐS Đông Dương	14.733.211.418	-
Trả trước người bán khác		
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng - Phát triển Nhà Bảo Linh	423.111.326.147	403.117.882.213
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh	57.832.297.568	57.832.297.568
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land	1.881.641.403	1.179.101.882
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định Quốc tế Đông Dương	75.000.000	75.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng VDC	-	120.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.321.017.989.236	77.766.675.379
	2.020.757.152.397	726.731.788.969

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Các bên liên quan – cho vay		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân (1)	177.469.321.207	170.203.007.402
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân (2)	43.167.561.961	23.278.940.143
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo (3)	41.997.483.371	40.195.261.709
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria (4)	32.981.629.535	32.948.629.535
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (5)	24.839.000.000	24.839.000.000
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc (6)	25.830.292.571	24.228.918.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân - Siêu Thị HQC	985.630.683	985.630.683
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang (8)	13.983.218.865	13.778.228.865
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh (10)	8.325.700.000	8.325.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất Động Sản Đông Dương (11)	7.116.040.391	5.480.865.909
Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Dịch vụ Peace	-	6.065.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Simon (13)	1.737.617.537	1.738.490.937
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	1.710.990.000	1.710.990.000
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trương Gia (14)	1.139.616.394	1.139.616.394
Công ty Cổ phần Đầu tư Quản lý Bất động sản CPG	991.835.059	574.721.527
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	79.240.000	79.240.000
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Hoàng Quân	25.860.000	25.860.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải trí Bình Minh	14.175.000	14.175.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hoàng Quân Land	862.000.000	14.000.000
Công ty Cổ phần Y khoa Vietmed	2.570.000	2.570.000
Các tổ chức và cá nhân khác – cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng – Phát triển Nhà Bảo Linh (7)	15.145.603.236	14.355.659.537
Công ty TNHH Đầu tư Việt Phương Nam (9)	10.230.624.937	10.230.624.937
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh (12)	3.357.447.920	3.357.447.920
Công ty Cổ phần Bất động sản Trà Vinh	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá Quốc tế Đông Dương	24.695.000	24.695.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hoàng Quân (15)	15.730.000	12.730.000
Các tổ chức và cá nhân khác	24.952.900.424	17.248.955.820
	437.086.784.091	400.959.759.958

Chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

- (1) Cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân vay theo hợp đồng số 36/HĐVMT-TĐ.2023 ngày 30/06/2023, và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐVMT-TĐ-2023 ngày 31/12/2023 thời hạn 12 tháng, lãi suất là 12%/năm.
- (2) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân vay theo hợp đồng số 09/HĐMT-HQ.NQ.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số 01-09/HĐMT-HQ.NQ.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng, lãi suất 0%/năm.
- (3) Cho Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo vay theo hợp đồng số 03/HĐMT-HQ.GB.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số 01 – 03/HĐMT-HQ.GB.23 ngày 02/01/2024 thời hạn là 12 tháng với lãi suất 0%/năm.
- (4) Cho Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria vay theo hợp đồng số 48/HĐMT-HQ.VIC.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

- (5) Cho Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông vay theo hợp đồng số 60-HQC.HQMK/HĐMT.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số 01-45/HĐMT-HQ.MK.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng, lãi suất là 0%/năm.
- (6) Cho Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc vay tiền theo hợp đồng số 35/HĐMT-HQ.VKT.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số 01-35/HĐMT-HQ.VKT.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.
- (7) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng – Phát triển Nhà Bảo Linh vay tiền theo hợp đồng số 32/HĐMT.BL.23 ngày 02/02/2023, và phụ lục hợp đồng số 01 – 32/HĐMT-HQ.BL.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.
- (8) Cho Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang vay tiền theo hợp đồng số: 04/HĐMT-HQ.NT/23 ngày 02/01/2023 và phụ lục hợp đồng số 01 – 04/HĐMT-HQ.NT.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.
- (9) Cho Công ty TNHH Đầu tư Việt Phương Nam vay tiền theo hợp đồng số: 26/HĐMT-HQ.VPN.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng, lãi suất là 0%/năm.
- (10) Cho Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh vay tiền theo hợp đồng số 06/HĐMT-HQ.BM.23 và phụ lục ngày 02/01/2024 thời hạn 12 tháng với lãi suất 0%/năm.
- (11) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất Động Sản Đông Dương vay tiền theo hợp đồng số 37/HĐMT-HQ.DD.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số 01-37/HĐMT-HQ.DD.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm.
- (12) Cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh vay tiền theo hợp đồng số 02/HĐMT-HQ.TN.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất là 0%/năm tính từ ngày nhận tiền.
- (13) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Simon vay tiền theo hợp đồng số 31/HĐMT-HQ.SIMON.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất 0%/năm tính từ ngày nhận tiền.
- (14) Cho Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trương Gia vay tiền theo hợp đồng không số /HĐMT.23 và phụ lục ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất 0%/năm.
- (15) Cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hoàng Quân vay tiền theo hợp đồng 29-ĐTHQ/HĐMT-HQ.BM.23 ngày 02/01/2023, và phụ lục hợp đồng số 01-29/ĐTHQ/HĐMT-HQ.BM.23 ngày 02/01/2024, thời hạn 12 tháng với lãi suất 0%/năm.

5.4.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Các bên liên quan - mượn tiền		
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ (1)	-	3.240.064.000
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân (2)	1.393.929.401	1.393.929.401
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (4)	10.000.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác – cho vay		
Nguyễn Triều Linh	169.360.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land (3)	203.000.000	203.000.000
	11.766.289.401	4.836.993.401

- (1) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ vay theo hợp đồng số 01/HĐMT-2023 ngày 14/09/2023, thời hạn 36 tháng, lãi suất 1%/tháng.
- (2) Khoản tiền cho Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân vay theo hợp đồng số 02/2022/HĐMT-HQC ngày 02/08/2022, thời hạn từ ngày 02/08/2022 đến ngày 02/08/2025.
- (3) Khoản tiền cho Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land vay theo hợp đồng số 0308-2022/HĐMT-HQC ngày 16/08/2022, thời hạn từ ngày 16/08/2022 đến ngày 16/08/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

- (4) Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông vay theo hợp đồng số 10/HĐMT/TN-HQMK.2023 ngày 13/10/2023 và phụ lục 01 ngày 02/01/2024, thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2025 với lãi suất 12%/năm.

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương – đền bù quyền sử dụng đất	84.345.410.450	-	84.345.410.450	-
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	38.059.514.335	-	38.059.514.335	-
Công ty CP TV TM DV Địa Ốc Hoàng Quân Mê Kông - lãi phải thu	8.545.450.282	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ – chuyển nhượng đầu tư dự án	-	-	13.409.315.193	-
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân – lãi cho vay	5.281.851.308	-	4.449.863.015	-
Bà Trương Nguyễn Song Vân – tạm ứng	438.084.553	-	288.084.553	-
Ông Lý Quang Minh – tạm ứng	17.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Bà Nguyễn Thị Như Hiền – chuyển nhượng vốn (1)	145.000.000.000	-	145.000.000.000	-
Bà Nguyễn Trần Diễm Trang – chuyển nhượng vốn (2)	123.997.965.970	-	123.997.965.970	-
Ký cược, ký quỹ	7.824.106.000	-	7.824.106.000	-
Tạm ứng	18.657.023.183	(2.311.841.408)	14.858.630.527	(2.311.841.408)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.789.576.368	(509.944.310)	16.364.605.328	(509.944.310)
	450.955.982.449	(2.821.785.718)	448.597.495.371	(2.821.785.718)

- (1) Khoản phải thu khác của bà Nguyễn Thị Như Hiền về số tiền ứng trước để mua lại cổ phần tại Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria. Sau đó Tập đoàn đã không tiếp tục mua cổ phần này và lập biên bản thanh lý số: 01/2021/BBTL ngày 31/12/2021. Theo biên bản thanh lý này thì bên bán (bà Nguyễn Thị Như Hiền) phải hoàn trả lại số tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân là 145.000.000.000 VND, theo thời hạn từ ngày ký biên bản thanh lý đến hết quý 3/2022, hai bên đã thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 02/01/2025.
- (2) Khoản phải thu khác của bà Nguyễn Trần Diễm Trang về số tiền ứng trước để mua lại cổ phần tại Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria. Sau đó Công ty đã không tiếp tục mua cổ phần này và lập biên bản thanh lý số 02/2021/BBTL ngày 31/12/2021. Theo biên bản thanh lý này thì bên bán (bà Nguyễn Trần Diễm Trang) phải hoàn trả lại số tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Hoàng Quân là 123.997.965.970 VND, theo thời hạn từ ngày ký biên bản thanh lý đến hết quý 3/2022, hai bên đã thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 02/01/2025.

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan - hợp tác kinh				

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

doanh				
Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh (1)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh (1)	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - Phát triển Nhà Bảo Linh - hợp tác kinh doanh (2)	392.928.547.945	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (3)	809.553.704.735	-	259.019.300.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ (4)	179.500.000.000	-	179.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đồng Dương (5)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Quý phát triển nhà ở TP.Hồ Chí Minh – góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	36.781.365.000	-	36.781.365.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn - Dịch vụ Hướng Dương Xanh - hợp tác kinh doanh	25.000.000.000	-	-	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	11.076.445.000	-	10.219.646.040	-
	2.304.840.062.680	-	1.335.520.311.040	-

- (1) Tập đoàn góp vốn theo hợp đồng hợp tác số 15/2016/HĐHT ngày 15/03/2016 với Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh, thời hạn 09 năm, thực hiện các dự án: Dự án khai thác đầu tư và xây dựng Cảng Bình Minh – Vĩnh Long; Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh công trình Cảng Bình Minh (gồm cầu cảng, hạ tầng, kho bãi) tại dự án Khu công nghiệp Bình Minh, Xã Mỹ Hoà, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long. Và thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh vào ngày 30 tháng 08 năm 2019, tại địa chỉ: lô B5 KDC Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long. Phân chia lợi nhuận vào cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, hai bên sẽ thỏa thuận chia theo tỷ lệ góp vốn hoặc giữ lại để tiếp tục thực hiện dự án. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn xây dựng, chưa ghi nhận doanh thu.
- (2) Tập đoàn góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng - Phát triển nhà Bảo Linh theo hợp đồng số 01/2024/HĐHTKD/HQC-BL ngày 05/01/2024 và hợp đồng số 02/2024/HĐHTKD/HQC-BL ngày 22/01/2024. Công ty sử dụng Khoản hợp tác nhận được để thực hiện bổ sung vốn kinh doanh như ngành nghề đã đăng ký và chia sẻ lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh, thời hạn 24 tháng (tính trên từng lần góp vốn).
- (3) Tập đoàn hợp tác với Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông theo 2 hợp đồng sau:
- Góp vốn theo hợp đồng hợp tác số 213/HQMK.HQ-HĐHT ngày 01/06/2015, thời hạn 10 năm, để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội Khu công nghiệp Bình Minh tại Xã Mỹ Hoà, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 259.019.300.000 VND. Phân chia lợi nhuận vào cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, hai bên sẽ thỏa thuận chia theo tỷ lệ góp vốn hoặc giữ lại để tiếp tục thực hiện dự án. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
 - Góp vốn hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 1209/2023/HĐHTKD/TPV-HQMK ngày 12/09/2023, thời hạn hợp tác 24 tháng. Mục đích sử dụng nguồn tiền để kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký doanh nghiệp và chức năng khác mà pháp luật không cấm. Giá trị đã góp của Tập đoàn đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 552.624.349.722 VND. Lợi nhuận được chia theo thỏa thuận của các bên nhưng không thấp hơn 10,5%/năm.
- (4) Tập đoàn góp vốn theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ theo hợp đồng số 01/HĐHT-14 ngày 15/02/2014 và 02/HĐHT-14 ngày 26/12/2014, thời hạn 10 năm, thực hiện các dự án: Dự án khu dân cư Trường Thạnh (7 ha) và Khu nhà ở xã hội (10,74 ha) tại Thành phố Cần Thơ; Dự án Trường đại học Đồng bằng Sông Cửu Long; dự án 44 căn nhà liên kế tại lô số 11A thuộc khu Đô thị mới nam sông Cần Thơ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Phân chia lợi nhuận vào cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước, hai bên sẽ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

thỏa thuận chia theo tỷ lệ góp vốn hoặc giữ lại để tiếp tục thực hiện dự án. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn triển khai, xây dựng.

- (5) Tập đoàn góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bất động sản Đông Dương theo hợp đồng số 01/2014/HĐHTĐT-HQĐD ngày 22/09/2014, để thực hiện dự án toà nhà Royal Tower tại Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn 10 năm, lãi suất cố định là 12%/năm. Hiện tại dự án đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng trong năm 2024.

5.6 Nợ xấu

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Các khoản tạm ứng	2.311.841.408	-	2.311.841.408	-
Các khoản cho vay	8.790.975.192	-	8.790.975.192	-
Các khoản phải thu khác	509.944.310	-	509.944.310	-
Các khoản trả trước người bán	25.272.662.995	-	25.272.662.995	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	708.119.993	-	708.119.993	-
	37.593.543.898	-	37.593.543.898	-

Tình hình biến động dự phòng nợ khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND
Tại ngày đầu kỳ	(37.593.543.898)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	
Tại ngày cuối kỳ	(37.593.543.898)

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyễn Thiên Vũ – phải thu từ dự án HQC Plaza	621.983.192	(621.983.192)	621.983.192	(621.983.192)
Tiền thiếu từ các sàn giao dịch đã ngừng hoạt động	86.136.801	(86.136.801)	86.136.801	(86.136.801)
	708.119.993	(708.119.993)	708.119.993	(708.119.993)

5.8 Hàng tồn kho

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (1)	1.202.199.607.711	-	418.949.981.320	-
Hàng hoá	2.467.272	-	-	-
Hàng hoá bất động sản (2)	139.536.668.611	-	171.860.701.376	-
	1.341.738.743.594	-	590.810.682.696	-

(1) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Dự án HQC Nha Trang	-	1.265.665.791
Dự án TTTM &CC cao tầng Hóc Môn	37.816.026.241	40.613.653.546

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
KDC Bình Trưng Đông	-	48.639.243.771
Chung cư Hoàng Quân Plaza (*)	146.145.928.760	144.236.595.067
Ban Quản lý giáo dục – ĐBSCL (ĐH quốc tế Cần Thơ)	2.710.027.186	2.710.027.186
Dự án Châu Pha - Bà Rịa Vũng Tàu	13.150.313.973	13.150.313.973
Dự án Phú Thuận	-	2.673.454.545
Dự án HQC Tân Hương	34.096.804.433	23.550.687.211
Khu dân cư P7. Quận 8, Saigon Res	-	2.387.272.727
Khu nhà ở P.Phú Lợi, Q.7 - Hai Thành	1.437.636.182	1.694.105.407
Dự án khu đô thị Bình Minh - Vĩnh Long	-	4.486.140.895
Thạnh Mỹ Lợi Quận 2 - Hiệp Lực (Cheery 1)	3.244.072.877	7.063.859.745
KDC Phường Phú Hữu, Quận 9	9.537.087.189	19.816.947.280
Dự án HQC Hồ Học Lãm	17.823.359.118	17.823.359.118
Dự án 198 ha - Bình Thuận (065G)	8.195.158.604	8.195.158.604
Dự án Khu gia đình A	8.085.503.943	8.085.503.943
Dự án Gia Hòa	2.725.358.251	7.349.021.550
Dự án Bình Tân	2.593.342.000	2.593.342.000
Dự án Bà Rịa - Vũng Tàu	2.447.562.852	2.447.562.852
Khu dân cư Tuyệt Anh Bình Mỹ	-	1.211.111.111
KDC P.Bình Trưng Đông Quận 2	-	1.136.727.273
Dự án Cheery 2	1.135.278.083	1.135.278.083
Biệt thự Vũng Tàu	859.614.334	859.614.334
Khu Dân cư Dương Đình Hội	3.327.654.546	796.745.455
An Phú Tây - H.Bình Chánh	431.646.089	431.646.089
Dự án Tam Bình	1.305.469.283	265.469.283
Dự án TTCT-HC Trà Vinh	119.774.818	119.774.818
Dự án Long An	101.306.350	101.306.350
Nhà ở xã hội Bình Thuận	100.000.000	100.000.000
Dự án Hiệp Thành - Quận 12	76.679.236	76.679.236
Dự án HQC Tây Ninh	48.592.000	48.592.000
Dự án NOXH Trà Vinh	19.862.460.184	47.156.056.876
Tòa nhà Hóc Môn	250.826.817	250.826.817
Dự án chung cư nhà ở xã hội Thành Phố Vàng	883.085.215.271	-
Dự án đất nền Bình Trưng Đông	1.486.909.091	6.478.238.384
	1.202.199.607.711	418.949.981.320

(2) Hàng hoá bất động sản:

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án Grandora (**)	77.745.700.286	-
Khu dân cư Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức – Thành Phố Xanh	3.948.000.000	3.948.000.000
Khu nhà ở Phường Phú Lợi, Quận 7 – Hai Thành	3.019.302.192	3.019.302.192
Khu đô thị mới Bình Minh – Mê Kông	-	55.017.050.771
Khu DC Bình Minh (**)	48.060.424.747	91.609.589.232
KDC Phường Phú Hữu, TP. Thủ Đức – Mê Kông	6.763.241.386	6.763.241.386
Hàng hoá bất động sản khác	-	11.503.517.795
	139.536.668.611	171.860.701.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hoa hồng dự án	-	135.321.892
Công cụ, dụng cụ	-	18.565.331
Chi phí trả trước khác	90.000.000	36.474.560
	90.000.000	190.361.783

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	880.944.053	193.312.206
Chi phí thuê văn phòng	93.000.000	
	973.944.053	193.312.206

5.10 Tình hình tăng / giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	3.370.551.063	16.450.666.958	1.528.918.216	21.350.136.237
Tại ngày 30/09/2024	3.370.551.063	16.450.666.958	1.528.918.216	21.350.136.237
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	1.727.407.326	15.998.414.847	1.454.047.788	19.179.869.961
Khấu hao trong kỳ	126.395.658	240.039.225	27.154.120	393.589.003
Tại ngày 30/09/2024	1.853.802.984	16.238.454.072	1.481.201.908	19.573.458.964
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	1.643.143.737	452.252.111	74.870.428	2.170.266.276
Tại ngày 30/09/2024	1.516.748.079	212.212.886	47.716.311	1.776.677.273

Nguyên Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 15.845.075.965 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 15.810.757.783 VND).

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	1.468.463.000	1.468.463.000
Tại ngày 30/09/2024	1.468.463.000	1.468.463.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	1.049.482.725	1.049.482.725
Khấu hao trong kỳ	97.346.997	97.346.997
Tại ngày 30/09/2024	1.146.829.722	1.146.829.722
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	418.980.275	418.980.275
Tại ngày 30/09/2024	321.633.278	321.633.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024	Phát sinh trong kỳ	30/09/2024
	VND	VND	VND
Chi phí hoàn thiện văn phòng chi nhánh Cần Thơ	160.260.067	-	160.260.067
Chi phí lắp đặt thang máy văn phòng 286-288 Huỳnh Văn Bánh	851.851.852	-	851.851.852
Hệ thống quản trị hiệu quả công việc KPIs	-	539.440.000	539.440.000
	1.012.111.919	539.440.000	1.551.551.919

5.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết (1)	2.375.841.986.320	2.368.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác (2)	3.188.880.000	3.188.880.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (2)	(2.108.880.000)	(2.108.880.000)
	2.376.921.986.320	2.369.080.000.000

(1) Đầu tư vào công ty liên kết:

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	48.000.000.000	51.398.769.677	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	2.320.000.000.000	2.324.443.216.643	2.320.000.000.000	-
	2.368.000.000.000	2.375.841.986.320	2.368.000.000.000	-

- Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ với giá gốc là 2.320.000.000.000 VND, chiếm 39% vốn điều lệ.
- Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang với giá gốc 48.000.000.000 VND, chiếm 40% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

(2) Đầu tư dài hạn khác:

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nghiệp trẻ Việt Nam	2.108.880.000 (2.108.880.000)	2.108.880.000 (2.108.880.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	1.080.000.000 -	1.080.000.000 -
	3.188.880.000 (2.108.880.000)	3.188.880.000 (2.108.880.000)

- Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nghiệp trẻ Việt Nam. Công ty này đã ngừng hoạt động và đã được trích lập dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư.
- Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam với giá trị 1.080.000.000 VND.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND
Tại ngày đầu kỳ	(2.108.880.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Tại ngày cuối kỳ	(2.108.880.000)

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

5.14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	7.633.351.104	7.633.351.104	102.407.538.975	102.407.538.975
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria Service	1.343.748.690	1.343.748.690	2.019.508.641	2.019.508.641
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	1.065.679.897	1.065.679.897	1.065.679.897	1.065.679.897
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân – siêu thị HQC	160.198.500	160.198.500	160.198.500	160.198.500
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc tại Cần Thơ	686.640.000	686.640.000	686.640.000	686.640.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thiết Kế Xây Dựng Gia Bảo	-	-	50.000.000	50.000.000
Công Ty TNHH Tập Đoàn Hoàng Quân	3.896.503.016	3.896.503.016		
Ông Trương Anh Tuấn	17.594.954.469	17.594.954.469	17.594.954.469	17.594.954.469
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	11.276.578.196	11.276.578.196	8.716.239.124	8.716.239.124
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Tây Ninh	14.298.737.000	14.298.737.000	14.298.737.000	14.298.737.000
Công ty Cổ phần Cảng Bình Minh	46.078.157.885	46.078.157.885	46.078.157.885	46.078.157.885
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinh doanh nhà Bình Thuận	3.929.073.310	3.929.073.310	4.107.961.750	4.107.961.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Cty TNHH Tư Vấn TK XD VDC	99.827.450	99.827.450	-	-
Các nhà cung cấp khác	72.344.080.643	72.344.080.643	27.599.664.881	27.599.664.881
	180.407.530.160	180.407.530.160	224.785.281.122	224.785.281.122

5.14.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	272.326.335.918	272.326.335.918
Bà Trương Nguyễn Song Vân	1.787.495.892	774.900.000
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	300.000.000	300.000.000
Người mua trả tiền trước khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh	3.419.362.003	3.419.362.003
Ông Vũ Trọng Đắc	31.907.040.000	-
Bà Đặng Thị Phương Dung	16.234.259.977	16.009.906.113
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quốc Dân (AMC)	5.009.620.926	5.009.620.926
Các khách hàng khác	476.362.764.729	380.953.724.434
	807.346.879.445	678.793.849.394

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.16 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/09/2024	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	69.199.794.420	-	28.641.588.275	(31.199.461.382)	66.641.921.313	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.336.701.268	-	502.4287.963	(69.951.726.647)	6.409.262.584	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	(1.724.645.356)	-	-	-	(1.724.645.356)
Thuế thu nhập cá nhân	9.858.672.000	-	453.768.641	(10.275.589.718)	36.850.923	-
Các loại thuế khác	2.461.055.564	-	-	-	2.461.055.564	-
Các khoản phải nộp khác	65.874.392.066	-	20.000.000	(5.222.692.943)	60.671.699.123	-
	218.730.615.318	(1.724.645.356)	34.139.644.879	(116.649.470.690)	136.220.789.507	(1.724.645.356)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty mẹ còn nợ số tiền thuế phải nộp Nhà nước là 134.496.144.151 VND. Tuy nhiên, Công ty đã có những văn bản gửi các cơ quan Nhà nước như: Văn phòng chính phủ, Bộ tài chính, Bộ xây dựng, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Sở tài chính TP. Hồ Chí Minh về việc đề nghị chấp nhận cho Công ty mẹ được cân trừ các khoản quyên lợi Công ty mẹ được hoàn từ ngân sách Nhà nước để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, tạo điều kiện để Công ty mẹ tập trung nguồn vốn triển khai các dự án nhà ở xã hội trong bối cảnh nguồn vốn hỗ trợ tín dụng của Nhà nước đối với nhà ở xã hội chưa được bố trí tiếp.

Chi tiết là Công ty mẹ đề nghị cân trừ khoản được hoàn trả lại tiền sử dụng đất đã nộp cho Dự án nhà ở xã hội HQC Plaza tại huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 22.894.269.326 VND và đề nghị hoàn trả lại tiền đất đai định cư đối với Dự án khu tái định cư Bến Lức khu 17 – Đô thị mới Nam thành phố, liên quan đến việc Công ty mẹ đã bàn giao 13.749,81 m² đất tại dự án để UBND Quận 8 bố trí tái định cư với số tiền khoảng 30.000.000.000 VND. Ngoài ra, Công ty mẹ còn được Quỹ phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh phân chia, hoàn lại số vốn đầu tư và phân chia doanh thu từ hoạt động đầu tư hợp tác thực hiện dự án 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân ngày sau khi dự án hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đề nghị của Công ty mẹ nhận được sự đồng thuận của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đang xem xét các quy định pháp luật đối với doanh nghiệp làm nhà ở xã hội để giải quyết hoàn trả lại tiền, miễn trừ nợ thuế để Công ty tất toán nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước cho phép Công ty mẹ thực hiện việc phát hành hoá đơn và kê khai, nộp thuế theo từng lần xuất hoá đơn trong thời gian giải quyết số thuế còn tồn đọng.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động nhà ở xã hội là 5%, hoạt động khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Đối với thu nhập từ bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội, Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí dự án (*)	506.802.204.195	478.904.747.847
Chi phí lãi vay	81.376.818.642	108.531.728.880
Chi phí môi giới	8.939.006.368	8.939.006.368
Chi phí khác	2.467.530.541	-
	<u>599.585.559.746</u>	<u>596.375.483.095</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân - tiền mượn	345.158.340.061	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân MêKông - tiền mượn	158.631.108.657	149.272.641.407
Công ty CP Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ - tiền mượn	40.553.796.301	57.343.789.192
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân - tiền mượn	53.632.606.547	53.632.606.547
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Dịch vụ Bình Minh - tiền mượn	32.014.719.437	32.014.719.437
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo - tiền mượn	24.800.000.000	24.800.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Trà Vinh - tiền mượn	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Dương - tiền mượn	9.378.950.447	9.378.950.447
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria - tiền mượn	6.687.091.815	6.687.091.815
- chi hộ	12.022.000	12.022.000
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trương Gia - tiền mượn	2.586.939.748	2.586.939.748
Bà Trương Nguyễn Song Vân – tiền mượn	1.089.960.000	1.041.500.000
Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Á - tiền mượn	728.463.688	728.463.688
Công ty TNHH Đầu tư Nhà Việt	55.000.000	-
Ông Nguyễn Long Triều - tiền mượn	10.000.000	10.000.000
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Bảo Linh -Tiền mượn	136.653.370.807	136.653.370.807
-Chi hộ	31.281.142	31.281.142
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinh doanh nhà Bình Thuận	4.394.870.826	4.394.870.826
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng VDC	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh -Tiền mượn	2.971.690.383	2.971.690.383
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương Land - tiền mượn	481.000.000	521.000.000
Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân - tiền mượn	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát - hợp tác kinh doanh	212.256.241.875	242.256.241.875
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô - hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	10.000.000.000
- tiền lãi vay	9.200.000.000	9.200.000.000
Phí bảo trì chung cư phải trả	27.524.385.425	27.866.513.996
Kinh phí công đoàn	1.064.338.200	1.008.034.080
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	152.189.520	7.723.274.623
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	47.679.221.534	35.220.836.672
	1.163.047.588.413	830.655.838.685

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả bên liên quan		
Ông Trương Anh Tuấn - tiền mượn	262.639.660.333	284.660.636.333
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương - tiền mượn	31.634.759.418	31.634.759.418
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Nam Quân (3)	25.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển BĐS Đông Dương	4.220.000.000	-
Phải trả cá nhân khác		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Thương Mại Hdp (4)	133.450.342.466	-
Công ty TNHH Tập Đoàn Victoria Land (2)	41.000.000.000	-
Ông Hoàng Minh Đức - mượn tiền	23.089.310.000	-
Ông Phạm Minh Hoàng – đặt cọc thuê hồ bơi	45.000.000	45.000.000
	521.079.072.217	316.340.395.751

- (1) Đây là các khoản tiền Tập đoàn mượn của các thành viên liên quan để phục vụ sản xuất kinh doanh, có thời hạn 24 tháng, lãi suất 0%.
- (2) Đây là khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tập đoàn Victoria Land theo hợp đồng số 2610/2023/HĐHTKD/VIC-TPV ngày 26/10/2023. Thời gian hợp tác từ ngày 26/10/2023 đến ngày 26/10/2026. Mục đích để thực hiện dự án Khu Nhà ở xã hội (NOXH) Golden City với thỏa thuận phân chia lợi nhuận là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh của Hợp đồng hợp tác này phân chia cho các bên tính trên tỷ lệ góp vốn. Thời gian phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh của việc bán sản phẩm sau khi Dự án Khu NOXH Golden City đã hoàn thành.
- (3) Đây là khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân theo hợp đồng số 2610/2023/HĐHTKD/NQ-TPV ngày 26/10/2023. Thời gian hợp tác từ ngày 26/10/2023 đến ngày 26/10/2026. Mục đích để thực hiện dự án Khu Nhà ở xã hội (NOXH) Golden City với thỏa thuận phân chia lợi nhuận là lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh của Hợp đồng hợp tác này phân chia cho các bên tính trên tỷ lệ góp vốn. Thời gian phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh của việc bán sản phẩm sau khi Dự án Khu NOXH Golden City đã hoàn thành.
- (4) Đây là khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Thương mại HDP theo hợp đồng số 1910/2023/HĐ/HDP-TPV ngày 19/10/2023. Thời gian hợp tác từ ngày 19/10/2023 đến ngày 19/10/2025. Mục đích để kinh doanh theo ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Phố Vàng, với thỏa thuận phân chia lợi nhuận là phân chia theo thỏa thuận của các bên nhưng không thấp hơn 10,5%/năm/số tiền hợp tác/thời gian hợp tác. Thời gian phân chia lợi nhuận: thanh toán 03 tháng/1 lần kể từ thời điểm chuyển tiền góp vốn hợp tác kinh doanh.

5.18.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.19 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay ngắn hạn

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan				
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân	66.506.642.978	66.506.642.978	45.506.642.978	45.506.642.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay các đối tượng khác				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – chi nhánh TP.Thủ Đức – PGD Đồng Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Thành Đô Ông Vũ Trọng Đắc	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Vũ Trọng Đắc	-	-	12.381.380.000	12.381.380.000
Vay dài hạn đến hạn trả	85.859.027.193	85.859.027.193	650.000.000	650.000.000
	157.365.670.171	157.365.670.171	61.538.022.978	61.538.022.978



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Tình hình tăng, giảm về khoản vay ngắn hạn như sau:

	01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng, giảm do cán trừ công nợ và hợp nhất	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/09/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan						
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân (1)	45.506.642.978	21.000.000.000	-	-	-	66.506.642.978
Vay các đối tượng khác						
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – Chi nhánh TP Thủ Đức – PGD Đông Sài Gòn (2)	-	9.091.371.327	-	-	(4.091.371.327)	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cộng Hòa	-	-	49.494.344.508	35.714.682.685	-	85.209.027.193
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Thành Đô	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Ông Vũ Trọng Đắc	12.381.380.000	-	(12.381.380.000)	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Bà Phan Lê Thùy Trang (3)	650.000.000	-	-	-	-	650.000.000
	61.538.022.978	30.091.371.327	37.112.964.508	35.714.682.685	(7.091.371.327)	157.365.670.171

Thông tin chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

(1) Vay của Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Quân theo 2 hợp đồng vay tiền sau:

- Hợp đồng vay tiền số 16/HDVMT-TD-2023 ngày 30 tháng 06 năm 2023 và phụ lục số 01/PLHDVMT-TD-2023 ngày 31 tháng 12 năm 2023:
- Số tiền vay : 45.506.642.978 VND
- Mục đích vay : Hoàn trả tiền theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 215/HĐHTĐT/2018/HQC-HP ngày 29 tháng 05 năm 2018

Thời hạn vay : 12 tháng (từ ngày 31/12/2023 đến ngày 31/12/2024)

Lãi suất : 12%/năm hoặc 0,03%/ngày

Tài sản đảm bảo : Không có

Số dư tại 30/09/2024 : 45.506.642.978 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

- Hợp đồng vay tiền số 0102/HĐVMT-TĐHQ-TPV-2024 ngày 01 tháng 02 năm 2024:

Số tiền vay : 21.000.000.000 VND
 Mục đích vay : Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh
 Thời hạn vay : 12 tháng
 Lãi suất : Không có
 Tài sản đảm bảo : Không có
 Số dư tại 30/09/2024 : 21.000.000.000 VND.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) theo hợp đồng số 11668/24/ MN/HĐTD ngày 04/04/2024, cùng kế ước nhận nợ số 11668 /24/MN/HĐTD/KUNN02 ngày 11/4/2024; kế ước nhận nợ số 11668/24/MN/HĐTD/KUNN01 ngày 05/04/2024:

Số tiền vay : 5.000.000.000 VND
 Mục đích vay : Bổ sung vốn chi lương cho Cán bộ nhân viên phục vụ hoạt động kinh doanh bất động sản
 Thời hạn vay : 03 tháng, theo từng kế ước nhận nợ
 Lãi suất : 8,50%/năm (áp dụng lãi suất 0%/năm trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bên nhận nợ được HDBank giải ngân tiền vay)
 Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản, nguồn thu của ông Trương Anh Tuấn theo văn bản cam kết bảo lãnh ngày 04/04/2024.
 Số dư tại 30/09/2024 : 5.000.000.000 VND.

(3) Khoản vay dài hạn bà Phan Lê Thùy Trang theo hợp đồng vay tiền số 01/2022/HĐMT-HQC ngày 01 tháng 07 năm 2022 được chi tiết như sau:

Số tiền vay : 650.000.000 VND
 Mục đích vay : Phục vụ hoạt động kinh doanh
 Thời hạn vay : 01 năm (từ ngày 01 tháng 08 năm 2024 đến ngày 31 tháng 07 năm 2025)
 Lãi suất : 3%/tháng
 Tài sản đảm bảo : Không có
 Số dư tại 30/09/2024 : 650.000.000 VND.

5.19.2 Vay dài hạn

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô Thị Tây Ninh (1)	7.487.918.939	7.487.918.939	-	-
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh – Chi nhánh TP Thủ Đức - PGD Đồng Sài Gòn (2)	377.740.000.000	377.740.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Cộng Hòa (3)	1.005.071.900.833	1.005.071.900.833	-	-
	1.390.299.819.772	1.390.299.819.772	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Tình hình tăng, giảm về khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2024	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng, giảm do hợp nhất	Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/09/2024
Vay bên liên quan	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh (1)	-	612.000.000	9.236.606.463	-	(2.360.687.524)	7.487.918.939
Vay dài hạn ngân hàng	-	37.7740.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh TP Thủ Đức - PGD Đồng Sài Gòn(2)	-	37.7740.000.000	-	-	-	37.7740.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Cộng Hòa (3)	-	205.132.770.743	851.261.297.807	(35.714.682.685)	(15.607.485.032)	1.005.071.900.833
	-	583.484.770.743	860.497.904.270	(35.714.682.685)	(17.968.172.556)	1.390.299.819.772

Thông tin về khoản vay dài hạn như sau:

(1) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Tây Ninh theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng:	: 0201/HĐVMT-PTĐT-TPV-2024 ngày 02/01/2024;
Số tiền mượn	: 15.000.000.000 VND
Mục đích mượn	: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty
Thời hạn mượn	: 36 tháng
Lãi suất	: Không có lãi suất
Bảo đảm	: Không
Số dư tại ngày 30/09/2024	: 7.487.918.939 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

- (2) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Theo hợp đồng tín dụng số 1983/24/MN/HĐTD ngày 25/01/2024 và hợp đồng tín dụng số 5143/24/MN/HĐTD ngày 06/02/2024.
Hạn mức vay: 311.000.000.000 VND
Mục đích vay: Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Nhà Bảo Linh (hoặc được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ).
Thời hạn vay: 24 tháng
Lãi suất vay: 11% - 12%/năm
Tài sản đảm bảo:- Hợp đồng thế chấp dự án số: 4367/24MN/HĐBĐ ngày 06/02/2024. Giá trị tài sản thế chấp: 216.387.253.000 VND.
 - Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ: 4365/24MN/HĐBĐ ngày 06/02/2024: Khoản phải thu / Quyền đòi nợ còn lại phát sinh từ việc khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án "Khu nhà ở biệt thự và chung cư tại Phường Thạnh Mỹ Lợi".
 - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: 1595/24MN/HĐBĐ ngày 25/01/2024. Giá trị là 11.853.305.188 VND.
 - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất: 1593/24MN/HĐBĐ ngày 25/01/2024: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 201-43; 201-44; 201-66; 201-75 tờ bản đồ số 112 (theo tài liệu năm 2002), Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 75-341 tờ bản đồ số 154, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 182, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 746; 748; 752; 717; 719; 728; 733; 743; 706; 726; 742, tờ bản đồ số 153, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 60 tờ bản đồ số 182; 190, Phường 07, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.
 - Toàn bộ quyền phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/2024/HĐHTKD/HQC-BL ngày 05/01/2024.Số dư tại 30/09/2024: 285.000.000.000 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 7080/24/MN/HĐTD ngày 06/02/2024
Hạn mức vay: 243.000.000.000 VND
Mục đích vay: Bổ sung vốn thực hiện Dự án "Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Tân Hương" tại thửa đất số 1356, tờ bản đồ số 01, ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, Tiền Giang. Và/hoặc được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ.
Thời hạn vay: 48 tháng (4 năm)
Lãi suất vay: 11%/năm.
Tài sản đảm bảo: - Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án "Nhà ở xã hội KCN Tân Hương" tại thửa đất số 1356, tờ bản đồ số 01, ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, Tiền Giang, theo hợp đồng thế chấp dự án số: 5891/24MN/HĐBĐ ngày 05/03/2024; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 5893/24MN/HĐBĐ ngày 05/03/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 5892/24MN/HĐBĐ ngày 06/03/2024. Với tổng giá trị tài sản đảm bảo: 324.035.000.000 VND.
 - Văn bản cam kết bảo lãnh của Ông Trương Anh Tuấn đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính lần này của bên được cấp tín dụng tại HDBank.Số dư tại 30/09/2024: 92.740.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

(3) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa theo các hợp đồng sau:

- Số hợp đồng: : 25366/23MN/HĐTD ngày 29/09/2023 và phụ lục ngày 25/05/2024
- Số tiền vay : 920.000.000.000 VND
- Mục đích vay : Bổ sung vốn thực hiện Dự án "Chung cư nhà ở xã hội Thành phố Vàng (Golden City)"
- Thời hạn vay : 48 tháng
- Lãi suất vay : 11% - 11,5%/ năm
- Bảo đảm : - Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm của dự án "Chung cư nhà ở xã hội Thành phố Vàng (Golden City)" tại Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, Khu phố 2, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh;
- Khoản phải thu phát sinh từ việc khai thác, tiêu thụ 224 căn hộ tại Dự án " Chung cư nhà ở xã hội Thành Phố Vàng (Golden City) tại thửa đất số 101, TBD số 14, KP 2, P2, TP Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh đã bán/ đã chuyển nhượng/ đã cho thuê/ đã hoán đổi dưới mọi hình thức tính đến thời điểm sử dụng tín dụng tại HDBank;
- Toàn bộ cổ phần (tối thiểu 102 triệu cổ phần) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Phố Vàng.
- Số dư tại ngày 30/09/2024 : 664.737.200.404 VND. Trong đó, dài hạn đến hạn trả là 85.209.027.193 VND; nợ dài hạn là 579.528.173.211VND.
- Số hợp đồng: : 25815/23MN/HĐTD ngày 27/09/2023
- Số tiền vay : 500.000.000.000 VND
- Mục đích vay : Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân Mê Kông
- Thời hạn vay : 24 tháng
- Lãi suất vay : 10%/ năm
- Bảo đảm : Nợ phải thu góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân Mê Kông;
- Số dư tại ngày 30/09/2024 : 427.632.727.622 VND. Trong đó, dài hạn đến hạn trả là: 0 VND; nợ dài hạn là: 427.632.727.622 VND.

5.19.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.20 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng		
Tại ngày 01/01/2024	4.766.000.000.000	(462.203.741.892)	(7.260.000)	6.545.415.532	54.154.722.713	-	4.364.489.136.353		
Tăng vốn trong kỳ	1.000.000.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000.000.000		
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	26.635.891.527	13.780.283	26.649.671.810		
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.474.156)	-	(15.474.156)		
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	36.106.363	(36.106.363)	-	-		
Tăng, giảm do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	7.666.648.225	20.049.947.059	27.716.595.284		
Tại ngày 30/09/2024	5.766.000.000.000	(462.203.741.892)	(7.260.000)	6.581.521.895	88.405.681.946	20.063.727.342	5.418.839.929.291		

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302087938, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 15 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 4.766.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 số vốn thực góp của các cổ đông là 5.766.000.000 VND. Công ty mẹ đang làm thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn thực góp. Chi tiết số vốn góp của các cổ đông như sau:

	30/09/2024		01/01/2024	
	Cổ phiếu	Số tiền (VND)	Cổ phiếu	Số tiền (VND)
Phan Thị Thanh Nga	27.000.000	270.000.000.000	-	-
Nguyễn Thị Ngọc	25.000.000	250.000.000.000	-	-
Nguyễn Văn Hà	-	-	17.455.200	174.552.000.000
Cổ đông khác	524.600.000	5.246.000.000.000	459.144.800	4.591.448.000.000
	576.600.000	5.766.000.000.000	476.600.000	4.766.000.000.000
		100%		100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

5.20.3 Cổ phiếu

	30/09/2024	01/03/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	576.600.000	476.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	576.600.000	476.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	576.600.000	476.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(726)	(726)
- Cổ phiếu phổ thông	(726)	(726)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	576.599.274	476.599.274
- Cổ phiếu phổ thông	576.599.274	476.599.274
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 06 năm 2024 như sau:

	VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	36.106.363
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.474.156
	<u>51.580.519</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Doanh thu bán bất động sản	13.353.981.232
Doanh thu hoạt động xây dựng	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	399.000.000
	<u>13.752.981.232</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	
Hàng bán bị trả lại	(4.936.123.717)
	<u>(4.936.123.717)</u>
Doanh thu thuần	<u>8.816.857.515</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý 3/2024 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	7.353.227.467
	<u>7.353.227.467</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Quý 3/2024
VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN
 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

	Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	247.412.895
	Lãi hợp tác kinh doanh	40.212.604.111
	Lãi bán hàng trả chậm	287.635.961
		40.747.652.967
6.4	Chi phí hoạt động tài chính	
		Quý 3/2024
		VND
	Chi phí lãi vay	17.700.491.849
	Chi phí tài chính khác	3.045.000.000
		20.745.491.849
6.5	Chi phí bán hàng	
		Quý 3/2024
		VND
	Chi phí nhân viên bán hàng	407.880.000
	Chi phí môi giới, hỗ trợ khách mua dự án	332.047.943
	Chi phí bán hàng khác	978.579.407
		1.718.507.350
6.6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	
		Quý 3/2024
		VND
	Chi phí nhân viên quản lý	1.785.732.202
	Chi phí đồ dùng văn phòng	151.554.805
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.697.107
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.514.363.292
	Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.172.512.408
		7.784.859.814
6.7	Thu nhập khác	
		Quý 3/2024
		VND
	Các khoản thu nhập khác	3.273.461.967
		3.273.461.967
6.8	Chi phí khác	
		Quý 3/2024
		VND
	Chi phí khác	1.112.385.328
		1.112.385.328
6.9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
		Quý 3/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	11.186.097.633
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	11.186.097.633
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	576.599.274
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	19

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Quý 3/2024
	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	158.125.763.299
	158.125.763.299

7.2 Tiền chi trả nợ gốc vay

	Quý 3/2024
	VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(7.775.458.787)
	(7.775.458.787)

8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đối tượng	Quý 3/2024
	VND
Ông Trương Anh Tuấn	
Mượn tiền	19.320.000.000
Trả tiền mượn	42.350.000.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Phương	
Thuê văn phòng	1.290.000.000
Trả tiền thuê văn phòng	151.747.828

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục 5.2, 5.3, 5.5, 5.14, 5.15 và 5.18.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Đối tượng	Chức danh	Quý 3/2024 VND
Ông Nguyễn Thanh Phong	Tổng Giám đốc	206.320.000
Bà Yu Trần Đan Phượng	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Quý 3/2024 VND
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Victoria	
Chi phí thi công	15.204.060.127
Thanh toán tiền thi công	59.745.540.012
Trả mượn tiền	-
Thu lại tiền cho mượn	-
Thu tiền bán DA Mỹ Tho	-
Chi phí môi giới	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Quân	
Chi phí thi công	-
Thuê xe	7.500.000
Cho mượn tiền	2.802.712
Công ty CP Đầu tư Phát triển BĐS Đông Dương	
Cho mượn tiền	615.186.182
Công ty TNHH Tập Đoàn Hoàng Quân	
Mượn tiền	38.606.595.000
Trả tiền mượn	18.221.000.000
Cho mượn tiền	24.524.237.188
Thu lại tiền cho mượn	3.597.500.000
Lãi cho vay	241.972.603
Chi phí môi giới	389.794.015
Chi phí lãi vay	1.376.420.105
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	
Mượn tiền	9.382.179.250
Trả tiền mượn	23.712.000
Cho mượn tiền	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ	
Mượn tiền	-
Công ty Luật TNHH Hoàng Quân	
Thanh toán phí dịch vụ	30.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Giáo dục Hoàng Quân	
Cho mượn tiền	-
Trả tiền mượn	-
Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Cho mượn tiền	907.704.176
Chi phí thi công	90.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận	
Mượn tiền	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hoàng Quân Land	
Cho mượn tiền	848.000.000
Thanh toán phí môi giới	78.871.382
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Gia Bảo	
Cho mượn tiền	697.611.016
Thu lại tiền cho mượn	-
Chi phí thi công	3.503.598.707
Trả tiền thi công	760.418.772
Công ty TNHH Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Nha Trang	
Cho mượn tiền	200.000.000
Công ty TNHH Quản lý BĐS Victoria Service	
Chi phí môi giới	-
Thanh toán chi phí vận hành	674.198.911

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.13, 5.14, 5.15, 5.18 và 5.19.



NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH PHONG
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

